

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2018/DS -ST

Ngày: 29-10 -2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thọ, thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Tân Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự hồ sơ thụ lý số 611/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2018/QĐXXST-DS ngày 17/09/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 320/2018/QĐST-DS, ngày 08 tháng 10 năm 2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 40/2018/QĐST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 201, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Mỹ D; sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú tại E 37/ 64 A, ấp 5, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Mỹ D là ông Lại Khánh Cao S, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú tại C4/100, ấp 3, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 07 năm 2018 do Văn phòng công chứng An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh lập. (Bà D ; ông S có mặt).

- ***Bị đơn:*** Bà Cao Thị L; sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú tại E18/ 62, ấp 5, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp là ông Nguyễn Trần Vinh H, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú tại 136, Đường B, phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 10 năm 2018 do Văn phòng công chứng An Lạc, Số E/12, đường N, thị trấn T, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh lập. (Ông H có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :***

1. Ông Cao Thanh V, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú tại E 18/62, ấp 5, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh;(Ông V vắng mặt).

2. Ông Huỳnh Văn H; sinh năm 1958; Địa chỉ cư trú tại E18/ 62, ấp 5, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; (Ông H có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D và người đại diện theo ủy quyền ông Lại Khánh Cao S trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày như sau: Nguyên trước đây, bà Trần Thị Mỹ D và bà Cao Thị L là người sống cùng xóm quen biết nhau, rất thân thiết, bà D tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi từ năm 2013, đến năm 2015, ngoài ra trong thời gian này bà L còn vay mượn tiền bà D mỗi khi bà L thiếu tiền trả tiền hụi cho các hụi viên, khi vay bà L có trả cho bà D tiền lãi, việc vay mượn với nhau nhiều lần, tính đến ngày 12/10/2014 Âm lịch, tổng cộng số tiền mà bà L còn thiếu lại bà D số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), bà L có ghi nợ và ký vào cuốn sổ nợ của bà D, số nợ này bà L hứa trả cho bà D tiền lãi là 5.000.000 đồng /1tháng, trả bằng tiền mặt tại thớt thịt heo của bà D bán tại chợ Bảy Le thuộc xã An Phú Tây vào đúng ngày 12 hàng tháng. Trả được khoảng 9 tháng tiền lãi thì bà L ngưng không trả tiếp lãi cho bà D nữa. Vì khó khăn không có tiền trả nợ và thanh toán tiền hụi nên đến ngày 25/6/2015 bà L tiếp tục vay thêm bà D số tiền là 100.000.000 đồng(một trăm triệu đồng) và bà L cam kết trả lãi cho bà D mỗi tháng là 2.000.000 đồng /1 tháng, do thấy bà L là chỗ quen biết nên bà D muốn giúp đỡ đã cho bà L vay tiếp số tiền này. Như vậy tổng số tiền vốn bà D đã cho bà L vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), sau đó bà L tuyên bố bế nợ và không trả lãi và vốn cho bà cho đến nay.

Về tiền hụi, sau khi bế hụi bà L còn nợ bà D tiền hụi 2 dây hụi tổng cộng là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Do đó cộng số tiền vay 300.000.000 đồng và cộng tiền hụi là 180.000.000 đồng thành 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng), lúc này bà L không có tiền trả nợ nên năn nỉ xin bà D nhận miếng đất của bà L có diện tích khoảng 200 m², để cầm trừ nợ với giá lô đất là 450.000.000 đồng(bốn trăm năm mươi triệu đồng), vì theo bà L nói miếng đất này đứng tên của người anh bà L là ông Cao Thanh V, theo bà L nói là phần đất này do bà L và ông V hùn tiền mua chung, Ông V đã đồng ý và bà D tin tưởng đồng ý mua lại miếng đất này của bà L ông V để cầm trừ số tiền còn thiếu với giá là 450.000.000 đồng (bốn trăm, tám mươi triệu đồng), nên bà D tin tưởng làm theo đề nghị của bà L.

- Ngày 26/10/2015 vợ chồng bà D ông H đến nhà ông Cao Thanh V ông V cũng đồng ý theo đề nghị của bà L và ông V đưa cho bà D một bản pho tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số : Bc 360031, ngày 17 tháng 6 năm 2010 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp đứng tên Cao Thanh V và chính ông ông V viết giấy S nhượng đất ngày 26/10/2015 với nội dung là ông V đồng ý bán lại cho bà D một phần đất diện tích là 200m², trong phần đất của ông V đứng tên với giá là 450.000.000 đồng ông V ký tên, trong thời gian sau khi ông V làm giấy bán đất cho bà D thì bà L và bà D đã xé bỏ các giấy tờ hụi và giấy vay mượn tiền tại nhà bà L, tuy nhiên sau đó khi bà D yêu cầu ông V ra công chứng thực hiện ký hợp đồng S tên phần đất trên thì ông V nói khi nào bà L đưa thêm cho ông V 100.000.000 đồng(một trăm triệu đồng) nữa thì ông V mới ra công chứng S tên phần đất trên cho bà D tuy nhiên đó thì không biết sao ông V thay đổi không đồng ý giao đất cho bà D. Đối với phần đất trên hiện nay ông V vẫn quản

lý sử dụng.

Nay bà Trần Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án xử buộc bà Cao Thị L phải trả lại bà số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, bà D tự nguyện không yêu cầu trả lãi từ khi vay cho đến nay.

* *Bị đơn Cao Thị L trình bày* : Tại bản tự khai ngày 06 tháng 12 năm 2017 như sau: Bà xác nhận bà và bà Trần Thị Mỹ D là người sống cùng xóm quen biết nhau, hai bên có quan hệ chơi hội nhiều lần nhưng đã thanh toán xong cho nhau. Còn về tiền vay của bà Trần Thị Mỹ D là có nhưng không làm giấy tờ, vay mượn rõ ràng nên cả hai không nhớ từng chi tiết do bà và bà D có quan hệ thân thiết và tin tưởng nhau theo trí nhớ của bà thì bà chỉ còn thiếu bà D là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), bà đồng ý trả lại bà D số tiền này ngoài ra bà không ý kiến gì hết số tiền này là cá nhân bà mượn không liên quan đến chồng bà.

- Tại Công an xã HL, huyện BC bà Cao Thị L trình bày như sau. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 11 năm 2016 bà L trình bày : Tôi là chủ hội, bà D có quan hệ chơi hội từ năm 2013 đến khoảng tháng 10 năm 2015 thì hai bên đã thanh toán hết cho nhau tiền mượn và tiền hội nên hai bên đã xé bỏ hết giấy tờ tiền mượn và tiền hội Tôi xác nhận khoảng tháng 8/2015 do khó khăn nên tôi có hỏi chị D để không trả phần tiền lãi nữa, do tôi gặp khó khăn cho số tiền mượn là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), ...số tiền hội thì tôi đã thanh toán đầy đủ cho chị D. tôi đã thanh toán tiền tôi vay của chị D nhiều lần từ giữa tháng 8/2015 đến tháng 10/2015 thì tôi đã thanh toán xong và chị D tự xé sổ hội và giấy vay tiền của tôi tại nhà của tôi Việc chị D và anh trai tôi là anh V có thỏa thuận việc mua bán đất thì tôi không biết, tôi và chị D cũng không có việc thực hiện việc thỏa thuận giao phần đất của anh V để trừ vào khoản tiền tôi thiếu chị D ...Tại Biên bản giải quyết ngày 25 tháng 11 năm 2016 bà L trình bày tiếp : Tôi đã thanh toán tiền mượn và tiền hội cho chị D,.... việc bà D mua bán đất với ông V thì bà không biết, tôi không yêu cầu anh V làm giấy bán đất cho bà D để gán trừ nợ cho tôi, tôi đã trả tiền cho bà D nhiều lần nhưng bây giờ tôi không nhớ đã trả một lần bao nhiêu tiền và cụ thể vào thời gian nào

- Ý kiến của bà là không chấp nhận số tiền còn nợ còn thiếu là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), bà chỉ chấp nhận trả bà D số tiền nợ còn thiếu là 30.000.000 đồng(ba mươi triệu đồng), nếu không bà đề nghị Toà án xét xử theo quy định pháp luật, nay bà đã làm đơn xin được vắng mặt trong quá trình quyết vụ án tại các cấp Toà án.

- *Người liên quan ông Cao Thanh V trình bày*: Ông xác nhận là có quen biết với bà Trần Thị Mỹ D do cùng bán thịt heo ở chợ An Phú Tây, ông xác nhận trước đây có viết Giấy bán đất ngày 26 tháng 10 năm 2015 bán cho bà Trần Thị Mỹ D một miếng đất là 200 m², với giá là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) là đúng sự thật, tuy nhiên bà D không có tiền trả nên hai bên đã hủy bỏ việc mua bán. Mục đích bán đất là ông tính cho em gái ông là bà Cao Thị L mượn tiền, còn việc bà L lấy tiền làm gì thì ông không biết, ông xác nhận có nghe nói việc bà L mượn và nợ bà D tuy nhiên cụ thể như thế nào ông không biết và không liên quan.

Hiện nay ông rất bận việc xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại các cấp Tòa án theo quy định pháp luật.

- *Người liên quan ông Huỳnh Văn H trình bày* : Ông là chồng bà Trần Thị Mỹ D, ông xác nhận những nội D mà bà D trình bày là đúng sự thật, ông có cùng vợ đến nhà ông Cao Thanh V là anh ruột bà Cao Thị L vì theo lời bà L nói bà L có hùn tiền mua một phần đất cùng anh V là 400 m², miếng đất này do anh Cao Thanh V đứng tên, do bà L còn nợ bà D là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tiền mượn và tiền hụi là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), tổng cộng là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng). Do không có tiền trả cho bà D nên bà L năn nỉ bà D xin bán lại cho bà D một nửa miếng đất mua chung với ông V phần đất có diện tích khoảng 200 m², bà đã nói ông V cũng đã đồng ý bán phần đất này lại cho bà D để cản trừ nợ, ông V cũng đã viết giấy bán lại cho bà D phần đất này giá là 450.000.000 đồng (bốn trăm, tám mươi triệu đồng), khi vợ chồng ông đến gặp ông V đồng ý viết giấy bán đất và đưa cho bà D một bản pho tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số : Bc 360031, ngày 17 tháng 6 năm 2010 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp đứng tên Cao Thanh V. Khi đó thực hiện thỏa thuận đó chính tay ông V viết giấy S nhượng đất ngày 26/10/2015, Giấy do ông V viết tại nhà ông V, tuy nhiên đó thì không biết sao ông V thay đổi không đồng ý giao đất cho bà D. Phần đất nay hiện nay ông V vẫn quản lý sử dụng. Nay ông thống nhất với yêu cầu của bà D là yêu cầu bà Cao Thị L phải trả lại số tiền mượn còn thiếu là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và tự nguyện không yêu cầu Tòa án tính lãi phát sinh từ khi vay đến nay. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Tại phiên tòa hôm nay* :

- Đại diện nguyên đơn ông Lại Khánh Cao S trình bày, căn cứ vào Giấy Biên nhận nợ ngày 12-10- 2014 Âm lịch, bà D đã cho bà L vay số tiền mượn là 200.000.000 đồng và Giấy biên nhận nợ ngày 25-6-2015 bà D đã cho bà L vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 300.000.000 đồng, giấy vay tiền này có chữ ký của bà L, mặc khác tại các biên bản lấy lời khi của bà Cao Thị L tại Công an xã HL thì cũng thể hiện việc bà L đã thừa nhận còn nợ bà D số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nhưng bà L không chứng minh được việc đã trả số tiền nợ này cho bà D, không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào về việc trả tiền do đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, Bà D tự nguyện không yêu cầu Tòa án tính lãi phát sinh từ khi vay đến nay. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D trình bày, bà thống nhất với nội D trình bày và yêu cầu của ông S là người đại diện theo uỷ quyền của bà đã trình bày như trên, Bà khẳng định, việc anh em bà L và ông V đã có thỏa thuận thống nhất giao trả lại phần đất là 200m², để cản trừ số nợ là 450.000.000 đồng của bà là đúng sự thật, thể hiện là việc ông V đã làm giấy bán phần đất trên cho bà, do đó giữa bà và bà L có việc xé bỏ các sổ hụi và giấy tờ vay nợ của bà tại nhà bà L theo yêu cầu bà L, tuy nhiên do hôm đó bà không mang cuốn sổ nợ vay số tiền này đi theo nên bà L chưa xé bỏ được là đúng sự thật, do đó bà L ông V lật lọng không giao đất cho bà và không trả nợ nên bà cho đến nay, Nay bà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là buộc bà L phải trả lại số tiền vốn vay cho bà là 300.000.000 đồng bà tự nguyện

không yêu cầu Tòa án tính lãi phát sinh từ khi vay đến nay. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đại diện bị đơn ông Nguyễn Trần Vinh H trình bày, bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, giữa bà L và bà D đã thanh toán cho nhau hết các khoản tiền chơi hụi và tiền vay cho nhau và hai bên đã xé bỏ hết các giấy tờ liên quan đến việc nợ nần giữa hai bên, tuy nhiên ông cũng xác nhận theo trí nhớ của bà L thì hiện nay bà L chỉ còn nợ cho bà D số tiền nợ là 30.000.000 đồng, bà L chỉ chấp nhận trả số tiền này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Hoàng thống nhất với phần trình bày của bà D và ông S không bổ sung gì thêm.

- *Xét thấy tại phiên tòa, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến sau:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như : thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng đúng quy định tại các điều 93 đến 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa bảo đảm theo quy định tại Điều 203 BLTTDS. Quyết định đưa ra xét xử đã gửi VKSND huyện BC, thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng hạn. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia đã thực hiện đầy đủ và nghĩa vụ tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án : Nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” với bị đơn là bà Cao Thị L với nội D yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Ngày 25/10/2017, Tòa án nhân dân huyện BC thụ lý vụ án dân sự số 611/2017/TLST-DS. Căn cứ vào Giấy nhận nợ lập ngày 06/12/2017 (có chữ ký của bà L), biên bản làm việc tại Công an xã HL và lời trình bày thì có cơ sở để xác định bà L còn nợ của bà D số tiền là 300.000.000 đồng, do đó, nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng ngay sau đến khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tính lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là có cơ sở chấp nhận. Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định : “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác ”; Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử căn cứ khoản 3, điều 26, điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS năm 2015; căn cứ khoản 1 điều 474 BLDS năm 2005; Chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu Tòa án buộc bà L trả số tiền là 300.000.000 đồng.

- Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm về tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:
Kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Theo nội D đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “ Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Cao Thị L hiện đang cư trú tại địa chỉ E18/ 62, ấp 5, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ các Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét thấy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là về “ Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản ” vào thời điểm năm 2013 đến năm 2015 thì hai bên tổng kết và ký xác lập lại Giấy biên nhận vay mượn tiền. Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 tại Điều 688 quy định: “ 1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực pháp luật thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: c) Giao dịch dân sự đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 (Bộ luật Dân sự 2005) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết”. Do đó vẫn phải áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2005 và các quy định của pháp luật hiện hành làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Xét trong quá trình giải quyết vụ án trước đây nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D có Ủy quyền cho người đại diện là ông Trần Trung Kiên, Giấy ủy quyền ngày 12 tháng 10 năm 2017, đến ngày 25/7/2018 bà D đã có Văn bản chấm dứt ủy quyền đối với ông Kiên có công chứng. Xét yêu cầu này là phù hợp các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 562, 568, 569, của Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Thanh V đã có bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ các Điều 227; 228, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Xét về nội D yêu cầu:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D về việc yêu cầu bị đơn bà Cao Thị L phải trả lại tiền mượn còn thiếu là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), Là có cơ sở chấp nhận. Bồi lẽ.

- Xét quan hệ giữa bà Trần Thị Mỹ D và bà Cao Thị L là quen người cùng trong xóm rất thân thiết nhau, có tham gia chơi hụi mà bà L là chủ hụi bà D là hụi viên, ngoài ra bà D còn cho bà L vay tiền những lúc bà L thiếu tiền đóng tiền hụi

cho các hội viên khác trong một thời gian, do đó khi thực hiện giao dịch chỉ bằng hình thức là giao trả tiền trực tiếp cho nhau, ghi sổ và ký nhận vào sổ của nhau, sau đó hai bên tự tổng kết nợ và xác nhận cho nhau. Nay phát sinh tranh chấp bà D khởi kiện yêu cầu bà L phải trả lại số tiền vay mượn còn nợ là 300.000.000 đồng, phía bị đơn bà L cũng xác nhận việc bà D tham gia chơi hụi và có cho bà D vay tiền nhưng hai bên đã thanh toán hết cho nhau và đã huỷ bỏ các giấy tờ hụi và giấy vay tiền, nên bà L chỉ chấp nhận và đồng ý trả lại số tiền vay mượn nợ còn thiếu bà D là 30.000.000 đồng. Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “ Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng lãi suất nếu có...”. do đó giao dịch giữa các bên là dân sự, do bên vay bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà D khởi kiện là phù hợp, quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại”: Do đó, việc nguyên đơn bà D khởi kiện là căn cứ phù hợp những nội D quy định tại các Điều 121, 122, 124 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét về mặt chứng cứ do nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D cung cấp là “*Giấy Biên nhận thứ nhất thể hiện “ Ngày 12-10- 2014 Âm lịch, số tiền mượn tổng cộng là 200.000.000, Hai trăm triệu đồng phía dưới có chữ ký phía dưới; Giấy biên nhận thứ hai thể hiện L - 25-6-2015, 25-7 – 1 Trăm triệu có chữ ký phía dưới”*”. Hội đồng xét xử thấy. Việc bà L vay tiền của bà D là có cơ sở thể hiện tại các giấy vay tiền trên, có chữ ký của bà L, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà L và người đại diện theo uỷ quyền cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về các giấy biên nhận tiền nợ này, căn cứ Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về hình thức giao dịch dân sự như sau “1. Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể ”; Trong khi đó căn cứ các biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc tại Công an xã HL bà Cao Thị L trình bày “.....tháng 8/2015 do khó khăn nên tôi có hỏi chị D để không trả phần tiền lãi nữa, do tôi gặp khó khăn cho số tiền mượn là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), ...nên đủ cơ sở xác định về quan hệ trước đây bà L có mượn bà D số tiền là 300.000.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn bà L chỉ thừa nhận hiện chỉ còn nợ bà D số tiền là 30.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, như vậy bà L chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D, tuy nhiên số tiền vay còn lại bà L cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho việc đã trả hết số tiền còn nợ cho bà D. Mặc khác Hội đồng xét xử thấy, giữa bà D và ông V có xác lập giao dịch về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện tại giấy S nhượng đất ngày 26/10/2015 do ông V viết và ký tên, theo vợ chồng bà D ông Hoàng trình bày, do bà L không có tiền trả cho bà D nên năn nỉ bà D xin bán lại cho phần đất có diện tích khoảng 200 m², với giá là 450.000.000 đồng (bốn trăm, tám mươi triệu đồng).

Xét thấy tại “ Giấy S nhượng đất ngày 26 tháng 10 năm 2015 do ông Cao Thanh V viết và ký tên.”; Về hình thức được viết trên giấy tập học sinh nội D thể hiện như sau “ Hôm nay ngày 26/10/2015, tôi tên Cao Thanh V, sinh năm 1977, số CMND 022966910, địa chỉ E 18/62, ấp 5, xã HL huyện BC, tp HCM, Tôi có thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 405m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.Tôi có S nhượng lại cho Trần Thị Mỹ D 200m², với số tiền là

450.000.000 đồng với điều kiện là có đường đi, có gì sau này tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Người bán Cao Thanh V người mua Trần Thị Mỹ D ký tên và ghi họ tên”; như vậy về nội D và hình thức của Giấy S nhượng này là phù hợp với phần trình bày của bà D ông Hoàng, ông V cũng đã xác nhận sự này, tuy nhiên theo ông V trình bày do bà D không trả tiền nên huỷ bỏ việc mua bán chuyển nhượng phần đất trên, Hội đồng xét xử xét thấy theo bà D trình bày đây là việc cản trở nợ do bà L không có tiền trả lại cho bà D nên ông V đã viết Giấy S nhượng đất cho bà D lời khai này là chưa phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ nên yêu cầu của bà D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét phần trình bày của phía bị đơn bà Cao Thị L trong quá trình giải quyết vụ án và phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Trần Vinh H tại phiên toà trình bày, bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, giữa bà L và bà D đã thanh toán cho nhau hết các khoảng tiền chơi hụi và tiền vay cho nhau và hai bên đã xé bỏ hết các giấy tờ liên quan đến việc nợ nần giữa hai bên, tuy nhiên ông cũng xác nhận theo trí nhớ của bà L thì hiện nay bà L chỉ còn nợ cho bà D số tiền nợ là 30.000.000 đồng, bà L chỉ chấp nhận trả số tiền này. Phần trình bày này không được phía bà D chấp nhận và bà L cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình là có cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “...Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra chứng cứ hoặc không đưa đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án” nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

- Xét về yêu cầu của nguyên đơn trong vụ án chỉ yêu bị đơn bà Cao Thị L phải trả số tiền vay còn nợ và tự nguyện không yêu cầu tính lãi phát sinh. Xét yêu cầu này là quyền của đương sự trong vụ án phù hợp quy định các Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Xét yêu cầu trả ngay số nợ của nguyên đơn: Tại phiên toà nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D và người đại diện theo ủy quyền ông Lại Khánh Cao S yêu cầu bị đơn bà Cao Thị L phải trả số nợ này ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Xét số nợ đã lâu nhưng phía bị đơn chưa có thiện chí trả nợ nên phần nào gây khó khăn cho nguyên đơn vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền này một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét phần trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Thanh V là ông có phần đất 405m², đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số : Bc 360031, ngày 17 tháng 6 năm 2010 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp đứng tên ông, trước đây ông có viết Giấy bán đất ngày 26 tháng 10 năm 2015 bán cho bà Trần Thị Mỹ D một miếng đất là 200 m², với giá là 450.000.000 đồng, tuy nhiên bà D không có tiền trả nên hai bên đã huỷ bỏ việc mua bán, mục đích bán đất là ông tính cho em gái ông là bà Cao Thị L mượn tiền, xét phần trình bày này cũng phù hợp với lời khai của bà D ông Hoàng là chưa trả tiền gì cho ông V, do các bên cũng không yêu cầu gì đến giao dịch trên nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này.

[5]. Xét phần trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H là chồng bà D thống nhất với những nội D mà bà D trình bày và

yêu cầu của bà D. Xét thấy nội D trình bày của ông H cũng phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Cao Thị L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả là 300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D không phải nộp án phí được nhận lại số tiền là 8.850.000 đồng (tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0030573, ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh.

[7]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

- Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện bà Trần Thị Mỹ D là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 71, 72, 91, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 121, 122, 124, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào các Điều 468, 688, 562, 568, 569 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào các Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ D về việc yêu cầu bà Cao Thị L phải trả lại số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

2. Buộc bà Cao Thị L phải trả số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) cho bà Trần Thị Mỹ D.

3. Thi hành việc trả tiền là một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền.

4. Hủy các Giấy Biên nhận gồm Biên nhận ngày 12-10- 2014 Âm lịch, Biên nhận ngày 25-6-2015 và các văn bản trên có liên quan đến khoản nợ trên mà hai bên ký xác lập.

5. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của

các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Cao Thị L phải nộp là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D không phải nộp án phí được nhận lại số tiền là 8.850.000 đồng (tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0030573, ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9. Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi Nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- CCTHADS H.Bình Chánh ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Phước Trường